

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công nhận giáo viên dạy giỏi tỉnh**  
**cấp trung học cơ sở năm 2024**

**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGHỆ AN**

*Căn cứ Quyết định số 46/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành Quy định về chức năng nhiệm vụ cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An;*

*Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT ngày 20/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non; giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông;*

*Căn cứ kết quả Hội thi giáo viên dạy giỏi tỉnh cấp trung học cơ sở năm 2024;*

*Theo đề nghị của Ban Tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi tỉnh cấp trung học cơ sở năm 2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận 481 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi tỉnh cấp trung học cơ sở năm 2024 (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Mỗi giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi tỉnh cấp trung học cơ sở năm 2024 được cấp Giấy chứng nhận và được hưởng các quyền lợi theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Giáo dục Trung học, Trưởng các Phòng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, GDTrH.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Võ Văn Mai**

## DANH SÁCH

### Giáo viên được công nhận Giáo viên dạy giỏi tỉnh cấp THCS năm 2024

(Kèm theo Quyết định số 3188/QĐ-SGD&ĐT ngày 12/11/2024  
của Sở GD&ĐT Nghệ An)

| TT | Họ và Tên            | Trường                 | Phòng GD&ĐT | Môn               |
|----|----------------------|------------------------|-------------|-------------------|
| 1  | Trần Hải Nam         | THCS Hoa Sơn           | Anh Sơn     | Nghệ thuật        |
| 2  | Đặng Thị Nga         | THCS Bình Sơn          | Anh Sơn     | Lịch sử và Địa lí |
| 3  | Hồ Thị Thanh Nga     | THCS Hội Sơn           | Anh Sơn     | Lịch sử và Địa lí |
| 4  | Lê Thị Hải Yến       | THCS Long Sơn          | Anh Sơn     | Giáo dục công dân |
| 5  | Nguyễn Xuân Thanh    | THCS Bình Sơn          | Anh Sơn     | Giáo dục thể chất |
| 6  | Nguyễn Thị Trâm      | THCS Tường Sơn         | Anh Sơn     | Khoa học tự nhiên |
| 7  | Bùi Thị Thúy Hằng    | TH&THCS Vĩnh Sơn       | Anh Sơn     | Ngữ văn           |
| 8  | Bùi Thị Lan          | THCS Phan Thái Ất      | Anh Sơn     | Ngữ văn           |
| 9  | Nguyễn Đức Tuấn      | TH&THCS Khai Sơn       | Anh Sơn     | Ngữ văn           |
| 10 | Võ Quang Hưng        | THCS Đình Sơn          | Anh Sơn     | Khoa học tự nhiên |
| 11 | Nguyễn Thị Hoài Sơn  | THCS Hùng Sơn          | Anh Sơn     | Khoa học tự nhiên |
| 12 | Hoàng Thị Tú Anh     | TH&THCS Khai Sơn       | Anh Sơn     | Tiếng Anh         |
| 13 | Đoàn Thị Hoà         | THCS Đình Sơn          | Anh Sơn     | Tiếng Anh         |
| 14 | Trần Thị Loan        | THCS Đức Sơn           | Anh Sơn     | Tin học           |
| 15 | Trần Thị Dịu         | THCS Phan Thái Ất      | Anh Sơn     | Toán              |
| 16 | Đặng Thị Hương       | TH&THCS Lạng Sơn       | Anh Sơn     | Toán              |
| 17 | Trần Văn Lâm         | THCS Tường Sơn         | Anh Sơn     | Toán              |
| 18 | Nguyễn Thị Sen       | THCS Thạch Thị         | Anh Sơn     | Toán              |
| 19 | Phạm Công Lương      | THCS Hoa Sơn           | Anh Sơn     | Khoa học tự nhiên |
| 20 | Nguyễn Anh Tuấn      | THCS Đức Sơn           | Anh Sơn     | Khoa học tự nhiên |
| 21 | Phan Thị Lê          | PTDTBT THCS Thạch Ngàn | Con Cuông   | Nghệ thuật        |
| 22 | Nguyễn Thị Bé        | PTDTNT THCS Con Cuông  | Con Cuông   | Giáo dục công dân |
| 23 | Trần Thị Tuyết       | THCS Môn Sơn           | Con Cuông   | Giáo dục công dân |
| 24 | Dương Thị Tuyết      | PTDTNT THCS Con Cuông  | Con Cuông   | Khoa học tự nhiên |
| 25 | Trần Thị Dung        | THCS Trà Lân           | Con Cuông   | Lịch sử và Địa lí |
| 26 | Lương Thị Thái       | PTDTNT THCS Con Cuông  | Con Cuông   | Lịch sử và Địa lí |
| 27 | Phạm Thị Hoài        | PTDTNT THCS Con Cuông  | Con Cuông   | Ngữ văn           |
| 28 | Phạm Thị Hương Giang | PTDTNT THCS Con Cuông  | Con Cuông   | Khoa học tự nhiên |
| 29 | Nguyễn Thị Nga       | PTDTNT THCS Con Cuông  | Con Cuông   | Tiếng Anh         |

| <b>TT</b> | <b>Họ và Tên</b>     | <b>Trường</b>         | <b>Phòng GD&amp;ĐT</b> | <b>Môn</b>        |
|-----------|----------------------|-----------------------|------------------------|-------------------|
| 30        | Nguyễn Thị Hà        | PTDTNT THCS Con Cuông | Con Cuông              | Tin học           |
| 31        | Nguyễn Thị Thuý Hằng | THCS Trà Lân          | Con Cuông              | Tin học           |
| 32        | Nguyễn Văn Hùng      | THCS Bình Chuẩn       | Con Cuông              | Tin học           |
| 33        | Nguyễn Ngọc Anh      | PTDTNT THCS Con Cuông | Con Cuông              | Toán              |
| 34        | Đào Quốc Dũng        | PTDTNT THCS Con Cuông | Con Cuông              | Toán              |
| 35        | Phan Sỹ Việt         | THCS Trà Lân          | Con Cuông              | Toán              |
| 36        | Nguyễn Thị Trang     | PTDTNT THCS Con Cuông | Con Cuông              | Khoa học tự nhiên |
| 37        | Hoàng Thị Liên       | THCS Nghi Tân         | Cửa Lò                 | Lịch sử và Địa lí |
| 38        | Phạm Thị Lộc         | THCS Hải Hoà          | Cửa Lò                 | Lịch sử và Địa lí |
| 39        | Mai Duy Tân          | THCS Hải Hoà          | Cửa Lò                 | Giáo dục thể chất |
| 40        | Phan Văn Sơn         | THCS Hải Hoà          | Cửa Lò                 | Khoa học tự nhiên |
| 41        | Trần Thị Minh        | THCS Nghi Hương       | Cửa Lò                 | Ngữ văn           |
| 42        | Hoàng Thị Thanh Tâm  | THCS Lê Thị Bạch Cát  | Cửa Lò                 | Ngữ văn           |
| 43        | Phan Thị Huyền       | THCS Lê Thị Bạch Cát  | Cửa Lò                 | Khoa học tự nhiên |
| 44        | Hoàng Thị Linh       | THCS Hải Hoà          | Cửa Lò                 | Tiếng Anh         |
| 45        | Hoàng Thị Kim Anh    | THCS Nghi Thuỷ        | Cửa Lò                 | Toán              |
| 46        | Hồ Thị Mai Hương     | THCS Nghi Thuỷ        | Cửa Lò                 | Toán              |
| 47        | Hoàng Phương Thúy    | THCS Nghi Tân         | Cửa Lò                 | Toán              |
| 48        | Ngô Thị Vân Anh      | THCS Diễn Kỳ          | Diễn Châu              | Nghệ thuật        |
| 49        | Trịnh Thị Hằng       | THCS Cao Xuân Huy     | Diễn Châu              | Nghệ thuật        |
| 50        | Phan Đình Tuấn       | THCS Hùng Mỹ          | Diễn Châu              | Nghệ thuật        |
| 51        | Phạm Đăng Thân       | THCS An Trung         | Diễn Châu              | Công nghệ         |
| 52        | Đặng Thị Thương      | THCS An Trung         | Diễn Châu              | Công nghệ         |
| 53        | Nguyễn Thị Lan Anh   | THCS Diễn Hồng        | Diễn Châu              | Lịch sử và Địa lí |
| 54        | Võ Thị Hoa           | THCS Diễn Tháp        | Diễn Châu              | Lịch sử và Địa lí |
| 55        | Dương Thị Hồng Trinh | THCS Liên Đồng        | Diễn Châu              | Lịch sử và Địa lí |
| 56        | Nguyễn Thị Hà        | THCS Diễn Hải         | Diễn Châu              | Giáo dục công dân |
| 57        | Phan Thị Quế         | THCS Diễn Ngọc        | Diễn Châu              | Giáo dục công dân |
| 58        | Trương Sỹ Lữ         | THCS Diễn Hồng        | Diễn Châu              | Giáo dục thể chất |
| 59        | Nguyễn Tiến Mạnh     | THCS Diễn Hải         | Diễn châu              | Giáo dục thể chất |
| 60        | Trương Trọng Dũng    | THCS Liên Đồng        | Diễn Châu              | Khoa học tự nhiên |
| 61        | Đặng Xuân Long       | THCS Cao Xuân Huy     | Diễn Châu              | Khoa học tự nhiên |
| 62        | Tạ Thị Trâm          | THCS Diễn Tháp        | Diễn Châu              | Khoa học tự nhiên |

| <b>TT</b> | <b>Họ và Tên</b>     | <b>Trường</b>         | <b>Phòng<br/>GD&amp;ĐT</b> | <b>Môn</b>        |
|-----------|----------------------|-----------------------|----------------------------|-------------------|
| 63        | Võ Thị Giang         | THCS Diễn Cát         | Diễn Châu                  | Lịch sử và Địa lí |
| 64        | Trần Thị Tú Oanh     | THCS Cao Xuân Huy     | Diễn Châu                  | Nghệ thuật        |
| 65        | Bùi Thị Lan Anh      | THCS Diễn Hồng        | Diễn Châu                  | Ngữ văn           |
| 66        | Võ Văn Hoan          | THCS Diễn Kim         | Diễn Châu                  | Ngữ văn           |
| 67        | Trần Thị Lan Hương   | THCS Thái Nguyên      | Diễn Châu                  | Ngữ văn           |
| 68        | Lê Thị Hồng Mai      | THCS Cao Xuân Huy     | Diễn Châu                  | Ngữ văn           |
| 69        | Cao Thị Thảo         | THCS Thọ Lộc          | Diễn Châu                  | Ngữ văn           |
| 70        | Bùi Thị Tứ           | THCS Diễn Lâm         | Diễn Châu                  | Ngữ văn           |
| 71        | Nguyễn Văn Công      | THCS Diễn Bích        | Diễn Châu                  | Khoa học tự nhiên |
| 72        | Hoàng Thị Ngọc Dung  | THCS Cao Xuân Huy     | Diễn Châu                  | Khoa học tự nhiên |
| 73        | Bùi Thị Hồng Nhung   | THCS Thái Nguyên      | Diễn Châu                  | Khoa học tự nhiên |
| 74        | Đào Thị Chung        | THCS Diễn Lâm         | Diễn Châu                  | Tiếng Anh         |
| 75        | Nguyễn Thị Thanh Nga | THCS Phùng Chí Kiên   | Diễn Châu                  | Tiếng Anh         |
| 76        | Nguyễn Lê Thông      | THCS Diễn Kim         | Diễn Châu                  | Tin học           |
| 77        | Phan Đức Công        | THCS Thọ Lộc          | Diễn Châu                  | Toán              |
| 78        | Lê Xuân Dương        | THCS Phùng Chí Kiên   | Diễn Châu                  | Toán              |
| 79        | Phạm Thị Thu Hằng    | THCS Hoa Quảng        | Diễn Châu                  | Toán              |
| 80        | Vũ Đức Minh          | THCS Diễn Hoàng       | Diễn Châu                  | Toán              |
| 81        | Phan Huy Năm         | THCS Diễn Ngọc        | Diễn Châu                  | Toán              |
| 82        | Tô Thanh Ninh        | THCS Diễn Đoài        | Diễn Châu                  | Toán              |
| 83        | Trần Văn Quang       | THCS Diễn Hải         | Diễn Châu                  | Toán              |
| 84        | Đậu Thị Thông        | THCS Diễn Lâm         | Diễn Châu                  | Toán              |
| 85        | Võ Văn Minh          | THCS Minh Châu        | Diễn Châu                  | Khoa học tự nhiên |
| 86        | Chu Thị Lệ Ngọc      | THCS Diễn Kỳ          | Diễn Châu                  | Khoa học tự nhiên |
| 87        | Nguyễn Cảnh Trân     | THCS Lý Nhật Quang    | Đô Lương                   | Công nghệ         |
| 88        | Thái Thị Bình        | THCS Bài Sơn          | Đô Lương                   | Lịch sử và Địa lí |
| 89        | Phạm Thị Ngọc        | THCS Nguyễn Thái Nhựt | Đô Lương                   | Lịch sử và Địa lí |
| 90        | Lê Thị Phượng        | THCS Lý Nhật Quang    | Đô Lương                   | Giáo dục công dân |
| 91        | Hồ Thị Nghĩa         | THCS Trù Sơn          | Đô Lương                   | Giáo dục thể chất |
| 92        | Chử Thị Hạnh         | THCS Giang Sơn        | Đô Lương                   | Lịch sử và Địa lí |
| 93        | Trần Thị Huy         | THCS Bạch Ngọc        | Đô Lương                   | Lịch sử và Địa lí |
| 94        | Nguyễn Quốc Quỳnh    | THCS Nam Sơn          | Đô Lương                   | Nghệ thuật        |
| 95        | Đặng Thị Liễu        | THCS Lý Tự Trọng      | Đô Lương                   | Ngữ văn           |

| TT  | Họ và Tên            | Trường             | Phòng GD&ĐT | Môn               |
|-----|----------------------|--------------------|-------------|-------------------|
| 96  | Nguyễn Thị Nga       | THCS Trần Phú      | Đô Lương    | Ngữ văn           |
| 97  | Nguyễn Thị Ngân      | THCS Đại Sơn       | Đô Lương    | Ngữ văn           |
| 98  | Nguyễn Thị Sáu       | THCS Lê Hồng Phong | Đô Lương    | Ngữ văn           |
| 99  | Nguyễn Thị Vinh      | THCS Bạch Ngọc     | Đô Lương    | Ngữ văn           |
| 100 | Lê Thị An            | THCS Giang Sơn     | Đô Lương    | Khoa học tự nhiên |
| 101 | Trần Thị Lan Hương   | THCS Lý Tự Trọng   | Đô Lương    | Khoa học tự nhiên |
| 102 | Nguyễn Thị Hợi       | THCS Nam Sơn       | Đô Lương    | Tiếng Anh         |
| 103 | Nguyễn Thị Hường     | THCS Xuân Sơn      | Đô Lương    | Tiếng Anh         |
| 104 | Nguyễn Anh Tuấn      | THCS Đội Cung      | Đô Lương    | Tiếng Anh         |
| 105 | Phạm Thị Nam         | THCS Đại Sơn       | Đô Lương    | Tin học           |
| 106 | Nguyễn Thị Vân Anh   | THCS Đội Cung      | Đô Lương    | Toán              |
| 107 | Phan Văn Đông        | THCS Đội Cung      | Đô Lương    | Toán              |
| 108 | Nguyễn Thị Nguyệt    | THCS Đội Cung      | Đô Lương    | Toán              |
| 109 | Nguyễn Đức Quang     | THCS Bạch Ngọc     | Đô Lương    | Toán              |
| 110 | Đặng Thu Hà          | THCS Mai Hùng      | Hoàng Mai   | Lịch sử và Địa lí |
| 111 | Hồ Xuân Thọ          | THCS Quỳnh Thiện   | Hoàng Mai   | Giáo dục thể chất |
| 112 | Vũ Đức Trí           | THCS Quỳnh Lộc     | Hoàng Mai   | Giáo dục thể chất |
| 113 | Lê Thị Minh Lân      | THCS Quỳnh Phương  | Hoàng Mai   | Khoa học tự nhiên |
| 114 | Lê Thanh Tính        | THCS Quỳnh Lập     | Hoàng Mai   | Khoa học tự nhiên |
| 115 | Nguyễn Thị Quỳnh Vân | THCS Quỳnh Xuân    | Hoàng Mai   | Lịch sử và Địa lí |
| 116 | Trương Văn Thắng     | THCS Quỳnh Lập     | Hoàng Mai   | Nghệ thuật        |
| 117 | Nguyễn Ngọc Thường   | THCS Quỳnh Liên    | Hoàng Mai   | Nghệ thuật        |
| 118 | Lục Thị Hà Giang     | THCS Quỳnh Xuân    | Hoàng Mai   | Ngữ văn           |
| 119 | Nguyễn Thị Hiền      | THCS Quỳnh Vinh    | Hoàng Mai   | Ngữ văn           |
| 120 | Cao Thị Thơ          | THCS Quỳnh Thiện   | Hoàng Mai   | Ngữ văn           |
| 121 | Phạm Thị Thanh Xuân  | THCS Quỳnh Vinh    | Hoàng Mai   | Ngữ văn           |
| 122 | Hồ Thị Hành          | THCS Quỳnh Liên    | Hoàng Mai   | Khoa học tự nhiên |
| 123 | Ngô Thị Phương       | THCS Quỳnh Thiện   | Hoàng Mai   | Khoa học tự nhiên |
| 124 | Nguyễn Thị Hường     | THCS Quỳnh Xuân    | Hoàng Mai   | Tiếng Anh         |
| 125 | Văn Thị Trà          | THCS Quỳnh Phương  | Hoàng Mai   | Tiếng Anh         |
| 126 | Lê Xuân Thống        | THCS Quỳnh Liên    | Hoàng Mai   | Tin học           |
| 127 | Lê Đức Dũng          | THCS Quỳnh Trang   | Hoàng Mai   | Toán              |
| 128 | Nguyễn Văn Nam       | THCS Quỳnh Liên    | Hoàng Mai   | Toán              |

| <b>TT</b> | <b>Họ và Tên</b>      | <b>Trường</b>             | <b>Phòng<br/>GD&amp;ĐT</b> | <b>Môn</b>        |
|-----------|-----------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------|
| 129       | Nguyễn Thanh Tùng     | THCS Quỳnh Phương         | Hoàng Mai                  | Toán              |
| 130       | Nguyễn Thị Hà         | THCS Quỳnh Di             | Hoàng Mai                  | Khoa học tự nhiên |
| 131       | Ngô Thị Trâm          | THCS Quỳnh Thiện          | Hoàng Mai                  | Khoa học tự nhiên |
| 132       | Phan Thị An           | THCS Nguyễn Thị Minh Khai | Hung Nguyên                | Lịch sử và Địa lí |
| 133       | Trần Thị Tâm          | THCS Nguyễn Biểu          | Hung Nguyên                | Lịch sử và Địa lí |
| 134       | Hồ Thị Hiền           | THCS Lê Hồng Phong        | Hung Nguyên                | Ngữ văn           |
| 135       | Nguyễn Thị Oanh       | THCS Phúc Lợi             | Hung Nguyên                | Khoa học tự nhiên |
| 136       | Hồ Thị Phương         | TH&THCS Long Xá           | Hung Nguyên                | Toán              |
| 137       | Nguyễn Thị Tú         | THCS Nguyễn Thị Minh Khai | Hung Nguyên                | Toán              |
| 138       | Nguyễn Thị Hương      | THCS Lê Xuân Đào          | Hung Nguyên                | Khoa học tự nhiên |
| 139       | Nguyễn Thị Nguyên     | THCS Lê Hồng Phong        | Hung Nguyên                | Khoa học tự nhiên |
| 140       | Nguyễn Văn Biển       | PTDTBT THCS Nậm Cắn       | Kỳ Sơn                     | Công nghệ         |
| 141       | Trần Thị Quyên        | PTDTNT THCS Kỳ Sơn        | Kỳ Sơn                     | Lịch sử và Địa lí |
| 142       | Trần Đức Côn          | PTDTBT THCS Na Ngoi       | Kỳ Sơn                     | Giáo dục thể chất |
| 143       | Phạm Văn Đồng         | PTDTBT THCS Mỹ Lý         | Kỳ Sơn                     | Giáo dục thể chất |
| 144       | Nguyễn Mạnh Hùng      | PTDTBT THCS Mỹ Lý         | Kỳ Sơn                     | Giáo dục thể chất |
| 145       | Võ Văn Toàn           | PTDTBT THCS Nậm Cắn       | Kỳ Sơn                     | Giáo dục thể chất |
| 146       | Phan Thị Hạnh         | PTDTNT THCS Kỳ Sơn        | Kỳ Sơn                     | Khoa học tự nhiên |
| 147       | Đặng Đình Chinh       | PTDTBT TH&THCS Bảo Thắng  | Kỳ Sơn                     | Lịch sử và Địa lí |
| 148       | Phan Văn Đại          | PTDTBT TH&THCS Tà Cạ      | Kỳ Sơn                     | Nghệ thuật        |
| 149       | Đặng Thị Khánh Linh   | PTDTBT THCS Nậm Cắn       | Kỳ Sơn                     | Ngữ văn           |
| 150       | Nguyễn Thị Quỳnh Sen  | PT DTNT THCS Kỳ Sơn       | Kỳ Sơn                     | Ngữ văn           |
| 151       | Lô Thị Thắm           | PTDTBT THCS Nậm Cắn       | Kỳ Sơn                     | Ngữ văn           |
| 152       | Nguyễn Thị Thanh Xuân | PTDTBT THCS Nậm Cắn       | Kỳ Sơn                     | Ngữ văn           |
| 153       | Nguyễn Hương Giang    | THCS Thị trấn Mường Xén   | Kỳ Sơn                     | Tiếng Anh         |
| 154       | Lê Thị Ngọc Mỹ        | PTDTNT THCS Kỳ Sơn        | Kỳ Sơn                     | Tiếng Anh         |
| 155       | Đoàn Quang            | PTDTNT THCS Kỳ Sơn        | Kỳ Sơn                     | Tin học           |
| 156       | Nguyễn Thị Hiền       | PTDTNT THCS Kỳ Sơn        | Kỳ Sơn                     | Toán              |
| 157       | Thái Thị Thư          | PTDTNT THCS Kỳ Sơn        | Kỳ Sơn                     | Toán              |
| 158       | Trần Thị Thùy Dung    | PTDTNT THCS Kỳ Sơn        | Kỳ Sơn                     | Khoa học tự nhiên |
| 159       | Lê Văn Hiền           | PTDTBT THCS Na Ngoi       | Kỳ Sơn                     | Khoa học tự nhiên |
| 160       | Bùi Thị Nhâm          | PTDTNT THCS Kỳ Sơn        | Kỳ Sơn                     | Khoa học tự nhiên |
| 161       | Đặng Thị Hà           | THCS Đặng Chánh Kỷ        | Nam Đàn                    | Lịch sử và Địa lí |

| TT  | Họ và Tên            | Trường                  | Phòng GD&ĐT | Môn               |
|-----|----------------------|-------------------------|-------------|-------------------|
| 162 | Hồ Thị Hường         | THCS Khánh Sơn          | Nam Đàn     | Giáo dục công dân |
| 163 | Lê Thiết Tinh        | THCS Nam Kim            | Nam Đàn     | Giáo dục thể chất |
| 164 | Lê Thị Hảo           | THCS Nam Giang          | Nam Đàn     | Khoa học tự nhiên |
| 165 | Phạm Thị Oanh        | THCS Khánh Sơn          | Nam Đàn     | Khoa học tự nhiên |
| 166 | Nguyễn Thị Giang     | THCS Nam Lĩnh           | Nam Đàn     | Lịch sử và Địa lí |
| 167 | Hoàng Thị Bích Thủy  | THCS Kim Liên           | Nam Đàn     | Lịch sử và Địa lí |
| 168 | Nguyễn Sỹ Bằng       | THCS Tân Dân            | Nam Đàn     | Nghệ thuật        |
| 169 | Nguyễn Thị Út Huệ    | THCS Tân Dân            | Nam Đàn     | Ngữ văn           |
| 170 | Dương Thị Xuân       | THCS Nam Giang          | Nam Đàn     | Khoa học tự nhiên |
| 171 | Lại Thị Thu Mai      | THCS Trung Phúc Cường 2 | Nam Đàn     | Tiếng Anh         |
| 172 | Nguyễn Thị Hoàng Nga | THCS Long Lâm           | Nam Đàn     | Tiếng Anh         |
| 173 | Nguyễn Thị Mỹ Nụ     | THCS Nam Cát            | Nam Đàn     | Tiếng Anh         |
| 174 | Đặng Cảnh Toàn       | THCS Nam Kim            | Nam Đàn     | Tiếng Anh         |
| 175 | Lê Thị Hoài Thu      | THCS Hưng Thái Nghĩa    | Nam Đàn     | Tin học           |
| 176 | Lê Thị Đại           | THCS Nam Lĩnh           | Nam Đàn     | Toán              |
| 177 | Nguyễn Bá Hạ         | THCS Kim Liên           | Nam Đàn     | Toán              |
| 178 | Lê Thị Thương        | THCS Nam Cát            | Nam Đàn     | Toán              |
| 179 | Nguyễn Quang An      | THCS Nam Thanh          | Nam Đàn     | Khoa học tự nhiên |
| 180 | Trần Thị Oanh        | THCS Nam Giang          | Nam Đàn     | Khoa học tự nhiên |
| 181 | Lê Thị Thùy Dung     | THCS Nghi Long          | Nghi Lộc    | Nghệ thuật        |
| 182 | Nguyễn Thị Hà        | THCS Nghi Lâm           | Nghi Lộc    | Nghệ thuật        |
| 183 | Nguyễn Thị Hải       | THCS Thịnh Trường       | Nghi Lộc    | Nghệ thuật        |
| 184 | Võ Văn Thanh         | THCS Tiến Thiết         | Nghi Lộc    | Giáo dục công dân |
| 185 | Phạm Hồng Sơn        | THCS Nghi Phương        | Nghi Lộc    | Giáo dục thể chất |
| 186 | Nguyễn Thị Hải       | THCS Nghi Thái          | Nghi Lộc    | Khoa học tự nhiên |
| 187 | Phạm Thị Lợi         | THCS Nghi Thuận         | Nghi Lộc    | Khoa học tự nhiên |
| 188 | Trần Văn Đông        | THCS Nghi Văn           | Nghi Lộc    | Lịch sử và Địa lí |
| 189 | Trần Tiến Chương     | THCS Nghi Long          | Nghi Lộc    | Nghệ thuật        |
| 190 | Thái Thị Bích Ngọc   | THCS Thịnh Trường       | Nghi Lộc    | Nghệ thuật        |
| 191 | Hoàng Thị Nga        | THCS Nghi Lâm           | Nghi Lộc    | Ngữ văn           |
| 192 | Hoàng Thị Ngân       | THCS Nghi Xá            | Nghi Lộc    | Ngữ văn           |
| 193 | Hoàng Văn Quế        | THCS Nghi Văn           | Nghi Lộc    | Ngữ văn           |
| 194 | Nguyễn Thị Diệu      | THCS Nghi Kiều          | Nghi Lộc    | Khoa học tự nhiên |

| TT  | Họ và Tên            | Trường                  | Phòng GD&ĐT | Môn               |
|-----|----------------------|-------------------------|-------------|-------------------|
| 195 | Hoàng Văn Hậu        | THCS Hưng Đồng          | Nghi Lộc    | Khoa học tự nhiên |
| 196 | Đặng Thị Thu Cúc     | THCS Nghi Thuận         | Nghi Lộc    | Tiếng Anh         |
| 197 | Nguyễn Thị Liên      | THCS Quán Hành          | Nghi Lộc    | Tiếng Anh         |
| 198 | Nguyễn Thị Mến       | THCS Nghi Mỹ            | Nghi Lộc    | Tiếng Anh         |
| 199 | Đinh Thị Huyền Tâm   | THCS Quán Hành          | Nghi Lộc    | Tiếng Anh         |
| 200 | Dương Thị Như Trang  | THCS Nghi Văn           | Nghi Lộc    | Tiếng Anh         |
| 201 | Hồ Thị Như Ý         | THCS Nghi Xuân          | Nghi Lộc    | Tiếng Anh         |
| 202 | Lê Thị Hà            | THCS Nghi Xá            | Nghi Lộc    | Tin học           |
| 203 | Nguyễn Thị Bích Hằng | THCS Quán Hành          | Nghi Lộc    | Tin học           |
| 204 | Trương Xuân Nông     | THCS Phúc Thọ           | Nghi Lộc    | Tin học           |
| 205 | Nguyễn Thị Lụa       | THCS Nghi Trung         | Nghi Lộc    | Toán              |
| 206 | Đặng Thị Hiền Lương  | THCS Nghi Thái          | Nghi Lộc    | Toán              |
| 207 | Nguyễn Thị Hồng Nhâm | THCS Nghi Xá            | Nghi Lộc    | Toán              |
| 208 | Nguyễn Thị Thảo      | THCS Phúc Thọ           | Nghi Lộc    | Toán              |
| 209 | Hoàng Phúc Tuấn      | THCS Nghi Yên           | Nghi Lộc    | Toán              |
| 210 | Thái Thị Hảo         | THCS Phúc Thọ           | Nghi Lộc    | Khoa học tự nhiên |
| 211 | Đậu Thị Tú Oanh      | THCS Thị trấn Nghĩa Đàn | Nghĩa Đàn   | Nghệ thuật        |
| 212 | Vy Thị Hà            | THCS Long Lộc           | Nghĩa Đàn   | Lịch sử và Địa lí |
| 213 | Phạm Hồng Hưng       | THCS Nghĩa Trung        | Nghĩa Đàn   | Giáo dục thể chất |
| 214 | Trần Thị Hiền        | THCS Thị trấn Nghĩa Đàn | Nghĩa Đàn   | Lịch sử và Địa lí |
| 215 | Hoàng Thị Nhật       | THCS Nghĩa Đức          | Nghĩa Đàn   | Lịch sử và Địa lí |
| 216 | Lê Văn Tuyên         | THCS Nghĩa Khánh        | Nghĩa Đàn   | Nghệ thuật        |
| 217 | Lưu Thị Huyền        | THCS Thị trấn Nghĩa Đàn | Nghĩa Đàn   | Ngữ văn           |
| 218 | Nguyễn Thị Hà        | THCS Long Lộc           | Nghĩa Đàn   | Khoa học tự nhiên |
| 219 | Lê Thị Quý           | THCS Nghĩa Lộc          | Nghĩa Đàn   | Khoa học tự nhiên |
| 220 | Nguyễn Thị Thanh Tâm | THCS Thị trấn Nghĩa Đàn | Nghĩa Đàn   | Tiếng Anh         |
| 221 | Lê Văn Ngọc          | THCS Thị trấn Nghĩa Đàn | Nghĩa Đàn   | Toán              |
| 222 | Trần Thị Ngọc        | THCS Hồng Minh          | Nghĩa Đàn   | Toán              |
| 223 | Trần Văn Quân        | THCS Phú Thọ            | Nghĩa Đàn   | Toán              |
| 224 | Vũ Như Quỳnh         | THCS Nghĩa Hội          | Nghĩa Đàn   | Toán              |
| 225 | Phạm Duy Thương      | THCS Nghĩa Mai          | Nghĩa Đàn   | Toán              |
| 226 | Trịnh Thị Vân        | THCS Long Lộc           | Nghĩa Đàn   | Toán              |
| 227 | Ngô Trí Trí          | THCS Hưng Thịnh         | Nghĩa Đàn   | Khoa học tự nhiên |

| <b>TT</b> | <b>Họ và Tên</b>   | <b>Trường</b>           | <b>Phòng GD&amp;ĐT</b> | <b>Môn</b>        |
|-----------|--------------------|-------------------------|------------------------|-------------------|
| 228       | Lương Thị Lý       | PTDTNT THCS Quế Phong   | Quế Phong              | Nghệ thuật        |
| 229       | Đặng Văn Thanh     | THCS Kim Sơn            | Quế Phong              | Nghệ thuật        |
| 230       | Lương Thị Tha      | PTDTNT THCS Quế Phong   | Quế Phong              | Lịch sử và Địa lí |
| 231       | Lang Văn Tiền      | THCS Tiên Phong         | Quế Phong              | Giáo dục thể chất |
| 232       | Trương Thị Hằng    | THCS Kim Sơn            | Quế Phong              | Ngữ văn           |
| 233       | Phan Thị Nhung     | PTDTNT THCS Quế Phong   | Quế Phong              | Ngữ văn           |
| 234       | Bùi Thị Yên        | PTDTNT THCS Quế Phong   | Quế Phong              | Ngữ văn           |
| 235       | Võ Thị Huyền       | PTDTNT THCS Quế Phong   | Quế Phong              | Khoa học tự nhiên |
| 236       | Hồ Thị Thương      | PTDTNT THCS Quế Phong   | Quế Phong              | Tiếng Anh         |
| 237       | Nguyễn Thành Tâm   | THCS Kim Sơn            | Quế Phong              | Tin học           |
| 238       | Lê Viết Cường      | THCS Tiên Phong         | Quế Phong              | Toán              |
| 239       | Trương Thị Hoa     | PTDTNT THCS Quế Phong   | Quế Phong              | Toán              |
| 240       | Vì Thị Lý          | PTDTNT THCS Quế Phong   | Quế Phong              | Toán              |
| 241       | Nguyễn Ngọc Dương  | PTDTNT THCS Quế Phong   | Quế Phong              | Khoa học tự nhiên |
| 242       | Võ Thị Lê          | PTDTNT THCS Quỳnh Châu  | Quỳnh Châu             | Lịch sử và Địa lí |
| 243       | Dương Minh Hoà     | PTDTNT THCS Quỳnh Châu  | Quỳnh Châu             | Giáo dục công dân |
| 244       | Lang Thị Liên      | THCS Hạnh Thiết         | Quỳnh Châu             | Giáo dục công dân |
| 245       | Nguyễn Trọng Giáp  | PTDTBT THCS Hội Nga     | Quỳnh Châu             | Giáo dục thể chất |
| 246       | Vì Thị Liêm        | PTDTBT THCS Bính Thuận  | Quỳnh Châu             | Khoa học tự nhiên |
| 247       | Lê Thị Phương Thảo | PTDTNT THCS Quỳnh Châu  | Quỳnh Châu             | Khoa học tự nhiên |
| 248       | Phạm Thị Hương     | THCS Hạnh Thiết         | Quỳnh Châu             | Ngữ văn           |
| 249       | Phùng Thị Hòa      | THCS Châu Bình          | Quỳnh Châu             | Khoa học tự nhiên |
| 250       | Ngô Thị Lê         | THCS Tiến Thắng         | Quỳnh Châu             | Khoa học tự nhiên |
| 251       | Dương Thị Hằng     | PTDTBT THCS Hội Nga     | Quỳnh Châu             | Tin học           |
| 252       | Nguyễn Văn Hạnh    | PTDTBT THCS Hội Nga     | Quỳnh Châu             | Khoa học tự nhiên |
| 253       | Vũ Thị Yên         | THCS Văn Sơn            | Quỳnh Hợp              | Nghệ thuật        |
| 254       | Hồ Thị Yên         | THCS Nghĩa Xuân         | Quỳnh Hợp              | Lịch sử và Địa lí |
| 255       | Lê Thị Hảo         | PTDTNT THCS Quỳnh Hợp   | Quỳnh Hợp              | Giáo dục công dân |
| 256       | Nguyễn Thị Sen     | THCS Thị trấn Quỳnh Hợp | Quỳnh Hợp              | Giáo dục công dân |
| 257       | Nguyễn Văn Thành   | THCS Minh Hợp           | Quỳnh Hợp              | Giáo dục thể chất |
| 258       | Lê Thị Việt Trinh  | THCS Minh Hợp           | Quỳnh Hợp              | Lịch sử và Địa lí |
| 259       | Nguyễn Đình Châu   | PTDTBT THCS Châu Lộc    | Quỳnh Hợp              | Nghệ thuật        |
| 260       | Nguyễn Phương Thùy | THCS Châu Đình          | Quỳnh Hợp              | Nghệ thuật        |

| TT  | Họ và Tên            | Trường                  | Phòng GD&ĐT | Môn               |
|-----|----------------------|-------------------------|-------------|-------------------|
| 261 | Sầm Văn Cầm          | PTDTNT THCS Quỳnh Hợp   | Quỳnh Hợp   | Khoa học tự nhiên |
| 262 | Sầm Thị Thêm         | THCS Tam Hợp            | Quỳnh Hợp   | Khoa học tự nhiên |
| 263 | Nguyễn Ngọc Hiệp     | PTDTBT THCS Châu Thành  | Quỳnh Hợp   | Tiếng Anh         |
| 264 | Dương Thị Tuyết Mai  | THCS Thị trấn Quỳnh Hợp | Quỳnh Hợp   | Tiếng Anh         |
| 265 | Trần Thị Cẩm Thanh   | THCS Nghĩa Xuân         | Quỳnh Hợp   | Tiếng Anh         |
| 266 | Phan Thị Hiền        | PTDTBT THCS Châu Lý     | Quỳnh Hợp   | Tin học           |
| 267 | Đặng Văn Trọng       | PTDTNT THCS Quỳnh Hợp   | Quỳnh Hợp   | Tin học           |
| 268 | Võ Thị Dung          | THCS Đồng Hợp           | Quỳnh Hợp   | Toán              |
| 269 | Nguyễn Minh Khánh    | THCS Tam Hợp            | Quỳnh Hợp   | Toán              |
| 270 | Phan Thị Liên        | PTDTBT THCS Châu Thành  | Quỳnh Hợp   | Toán              |
| 271 | Nguyễn Thị Hoa Lý    | THCS Tam Hợp            | Quỳnh Hợp   | Toán              |
| 272 | Dương Hải Quân       | THCS Minh Hợp           | Quỳnh Hợp   | Toán              |
| 273 | Lê Kỳ                | THCS Hồ Xuân Hương      | Quỳnh Lưu   | Nghệ thuật        |
| 274 | Lê Tiến Mạnh         | THCS Quỳnh Hưng         | Quỳnh Lưu   | Nghệ thuật        |
| 275 | Đinh Thị Thúy Ngân   | THCS Minh - Lương       | Quỳnh Lưu   | Nghệ thuật        |
| 276 | Nguyễn Cảnh Sơn      | THCS Quỳnh Châu         | Quỳnh Lưu   | Công nghệ         |
| 277 | Nguyễn Sỹ Quý        | THCS Quỳnh Thạch        | Quỳnh Lưu   | Giáo dục thể chất |
| 278 | Vũ Thị Tuyết         | THCS Cầu Giát           | Quỳnh Lưu   | Giáo dục thể chất |
| 279 | Nguyễn Cảnh Vinh     | TH&THCS Quỳnh Hoa       | Quỳnh Lưu   | Giáo dục thể chất |
| 280 | Phan Thị Mận         | THCS Quỳnh Bảng         | Quỳnh Lưu   | Khoa học tự nhiên |
| 281 | Phạm Thị Quỳnh       | THCS Quỳnh Tam          | Quỳnh Lưu   | Khoa học tự nhiên |
| 282 | Văn Đức Thiên        | TH&THCS Hồ Tùng Mậu     | Quỳnh Lưu   | Khoa học tự nhiên |
| 283 | Phan Thị Lưu Ly      | THCS Quỳnh Tam          | Quỳnh Lưu   | Lịch sử và Địa lí |
| 284 | Nguyễn Bá Thắng      | THCS Quỳnh Thạch        | Quỳnh Lưu   | Lịch sử và Địa lí |
| 285 | Hoàng Thị Ngọc Giang | THCS Bá - Ngọc          | Quỳnh Lưu   | Ngữ văn           |
| 286 | Nguyễn Thị Anh Thơ   | THCS Quỳnh Lâm          | Quỳnh Lưu   | Ngữ văn           |
| 287 | Nguyễn Thị Xuân      | THCS Quỳnh Tân          | Quỳnh Lưu   | Ngữ văn           |
| 288 | Trần Thị Minh Cảnh   | THCS Quỳnh Bảng         | Quỳnh Lưu   | Khoa học tự nhiên |
| 289 | Hồ Thị Kim Dung      | THCS Quỳnh Hưng         | Quỳnh Lưu   | Khoa học tự nhiên |
| 290 | Hoàng Thị Hằng       | TH&THCS Hồ Tùng Mậu     | Quỳnh Lưu   | Khoa học tự nhiên |
| 291 | Nguyễn Thị Hằng      | THCS Sơn Hải            | Quỳnh Lưu   | Khoa học tự nhiên |
| 292 | Lê Thị Thu Hằng      | THCS Tân Sơn            | Quỳnh Lưu   | Tiếng Anh         |
| 293 | Bùi Duy Nghĩa        | THCS Minh - Lương       | Quỳnh Lưu   | Tiếng Anh         |

| TT  | Họ và Tên            | Trường             | Phòng GD&ĐT | Môn               |
|-----|----------------------|--------------------|-------------|-------------------|
| 294 | Đinh Thị Quỳnh Vân   | THCS Hồ Xuân Hương | Quỳnh Lưu   | Tiếng Anh         |
| 295 | Nguyễn Xuân Đông     | THCS Tân Sơn       | Quỳnh Lưu   | Tin học           |
| 296 | Vũ Văn Dũng          | TH&THCS Quỳnh Hoa  | Quỳnh Lưu   | Tin học           |
| 297 | Nguyễn Thị Hiền      | TH&THCS Tân Thắng  | Quỳnh Lưu   | Tin học           |
| 298 | Đàm Xuân Hải         | THCS Cầu Giát      | Quỳnh Lưu   | Toán              |
| 299 | Hồ Thị Giang Hương   | THCS Quỳnh Hồng    | Quỳnh Lưu   | Toán              |
| 300 | Hồ Minh Khải         | THCS Quỳnh Nghĩa   | Quỳnh Lưu   | Toán              |
| 301 | Hồ Đình Lực          | THCS Quỳnh Thắng   | Quỳnh Lưu   | Toán              |
| 302 | Lê Thị Thanh Nhân    | THCS Quỳnh Tam     | Quỳnh Lưu   | Toán              |
| 303 | Bùi Duy Thông        | THCS Minh - Lương  | Quỳnh Lưu   | Toán              |
| 304 | Trần Văn Tiến        | THCS Minh - Lương  | Quỳnh Lưu   | Toán              |
| 305 | Bùi Duy Toán         | THCS Tiến Thủy     | Quỳnh Lưu   | Toán              |
| 306 | Hoàng Thị Diệu Huyền | THCS Cầu Giát      | Quỳnh Lưu   | Khoa học tự nhiên |
| 307 | Nguyễn Thị Hương     | THCS Phú Sơn       | Tân Kỳ      | Nghệ thuật        |
| 308 | Nguyễn Việt Đức      | THCS Đồng Văn      | Tân Kỳ      | Lịch sử và Địa lí |
| 309 | Trần Thị Huyền       | THCS Nguyễn Trãi   | Tân Kỳ      | Lịch sử và Địa lí |
| 310 | Nguyễn Thị Hải       | THCS Giai Xuân     | Tân Kỳ      | Khoa học tự nhiên |
| 311 | Nguyễn Cảnh Hòa      | THCS Nghĩa Hoàn    | Tân Kỳ      | Khoa học tự nhiên |
| 312 | Trần Thị Chinh       | THCS Nguyễn Trãi   | Tân Kỳ      | Ngữ văn           |
| 313 | Dương Thị Hương      | THCS Nghĩa Hành    | Tân Kỳ      | Ngữ văn           |
| 314 | Lê Thị Thu Hiền      | THCS Kỳ Sơn        | Tân Kỳ      | Khoa học tự nhiên |
| 315 | Nguyễn Thị Thu Hiền  | THCS Tiên Kỳ       | Tân Kỳ      | Tiếng Anh         |
| 316 | Nguyễn Thị Tình      | THCS Nghĩa Đồng    | Tân Kỳ      | Tiếng Anh         |
| 317 | Phan Thị Mai Anh     | THCS Nghĩa Phúc    | Tân Kỳ      | Tin học           |
| 318 | Đặng Đình Đức        | THCS Tân An        | Tân Kỳ      | Tin học           |
| 319 | Đặng Bá Đông         | THCS Nghĩa Hoàn    | Tân Kỳ      | Toán              |
| 320 | Ngô Đức Hà           | THCS Nghĩa Hành    | Tân Kỳ      | Toán              |
| 321 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | THCS Hương Sơn     | Tân Kỳ      | Toán              |
| 322 | Nguyễn Doãn Toát     | THCS Nguyễn Trãi   | Tân Kỳ      | Toán              |
| 323 | Hồ Ngọc Sơn          | THCS Long Sơn      | Thái Hòa    | Lịch sử và Địa lí |
| 324 | Nguyễn Thái Hạ       | THCS Quang Tiến    | Thái Hòa    | Khoa học tự nhiên |
| 325 | Phạm Văn Bằng        | THCS Quang Tiến    | Thái Hòa    | Ngữ văn           |
| 326 | Phan Thị Hằng        | THCS Nghĩa Thuận   | Thái Hòa    | Ngữ văn           |

| TT  | Họ và Tên            | Trường             | Phòng GD&ĐT  | Môn               |
|-----|----------------------|--------------------|--------------|-------------------|
| 327 | Lê Hoài Thu          | THCS Hòa Hiếu 2    | Thái Hòa     | Ngữ văn           |
| 328 | Vì Thị Bán           | THCS Đông Hiếu     | Thái Hòa     | Khoa học tự nhiên |
| 329 | Trần Thị Thùy Linh   | THCS Hòa Hiếu 1    | Thái Hòa     | Tiếng Anh         |
| 330 | Hồ Thị Mai Quyên     | THCS Quang Tiến    | Thái Hòa     | Tiếng Anh         |
| 331 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | THCS Hòa Hiếu 2    | Thái Hòa     | Tin học           |
| 332 | Trần Minh Đức        | THCS Hòa Hiếu 1    | Thái Hòa     | Toán              |
| 333 | Phan Thị Hảo         | THCS Hòa Hiếu 1    | Thái Hòa     | Toán              |
| 334 | Đậu Viết Hùng        | THCS Đông Hiếu     | Thái Hòa     | Toán              |
| 335 | Phạm Thị Loan        | THCS Nghĩa Thuận   | Thái Hòa     | Toán              |
| 336 | Bùi Anh Ngọc         | THCS Hòa Hiếu 2    | Thái Hòa     | Toán              |
| 337 | Cao Thị Thuỷ         | THCS Đông Hiếu     | Thái Hòa     | Toán              |
| 338 | Trần Minh Chiến      | THCS Hòa Hiếu 1    | Thái Hòa     | Khoa học tự nhiên |
| 339 | Nguyễn Thị Thu Hiền  | THCS Hòa Hiếu 2    | Thái Hòa     | Khoa học tự nhiên |
| 340 | Nguyễn Thị Hương     | THCS Thanh Mai     | Thanh Chương | Nghệ thuật        |
| 341 | Nguyễn Văn Anh       | THCS Thanh Tùng    | Thanh Chương | Lịch sử và Địa lí |
| 342 | Đinh Thị Hoa         | THCS Thanh Lương   | Thanh Chương | Lịch sử và Địa lí |
| 343 | Lê Thị Hà            | THCS Thanh Lâm     | Thanh Chương | Giáo dục công dân |
| 344 | Mai Thị Hường        | THCS Hương Tiến    | Thanh Chương | Giáo dục công dân |
| 345 | Nguyễn Thị Thảo      | THCS Đặng Thai Mai | Thanh Chương | Giáo dục công dân |
| 346 | Trần Văn Chung       | THCS Thanh Lâm     | Thanh Chương | Giáo dục thể chất |
| 347 | Nguyễn Hữu Sáng      | THCS Thanh An      | Thanh Chương | Giáo dục thể chất |
| 348 | Dương Thị Tâm        | THCS Đặng Thai Mai | Thanh Chương | Khoa học tự nhiên |
| 349 | Nguyễn Đình Tường    | THCS Thanh Liên    | Thanh Chương | Khoa học tự nhiên |
| 350 | Lê Thị Minh Phương   | THCS Thanh Mỹ      | Thanh Chương | Lịch sử và Địa lí |
| 351 | Trần Thị Hồng Phương | THCS Thanh Ngọc    | Thanh Chương | Lịch sử và Địa lí |
| 352 | Phạm Đình Xứng       | THCS Nho Hoà       | Thanh Chương | Lịch sử và Địa lí |
| 353 | Hoàng Đình Phụng     | THCS Ngọc Sơn      | Thanh Chương | Nghệ thuật        |
| 354 | Lê Thị Vân Hằng      | THCS Thanh Lương   | Thanh Chương | Ngữ văn           |
| 355 | Biện Tiến Hùng       | THCS Thanh Đức     | Thanh Chương | Ngữ văn           |
| 356 | Nguyễn Thị Hương     | THCS Thanh Dương   | Thanh Chương | Ngữ văn           |
| 357 | Nguyễn Thị Thúy      | THCS Thanh Lâm     | Thanh Chương | Ngữ văn           |
| 358 | Nguyễn Thị Tình      | THCS Thanh Tiên    | Thanh Chương | Ngữ văn           |
| 359 | Nguyễn Hữu Dung      | THCS Thanh Phong   | Thanh Chương | Khoa học tự nhiên |

| TT  | Họ và Tên               | Trường                | Phòng GD&ĐT  | Môn               |
|-----|-------------------------|-----------------------|--------------|-------------------|
| 360 | Nguyễn Thị Thúy Phượng  | THCS Tôn Quang Phiệt  | Thanh Chương | Khoa học tự nhiên |
| 361 | Trần Thị Hương          | THCS Thanh Lĩnh       | Thanh Chương | Tiếng Anh         |
| 362 | Hoàng Thị Mai           | THCS Thanh Lương      | Thanh Chương | Tiếng Anh         |
| 363 | Nguyễn Thị Hoài Phương  | THCS Thanh Tiên       | Thanh Chương | Tiếng Anh         |
| 364 | Nguyễn Lê Ty            | THCS Đại Đồng         | Thanh Chương | Tiếng Anh         |
| 365 | Nguyễn Thế Long         | THCS Cát Văn          | Thanh Chương | Tin học           |
| 366 | Nguyễn Thanh Bằng       | THCS Ngọc Sơn         | Thanh Chương | Toán              |
| 367 | Nguyễn Thu Hiền         | TH&THCS Phong Thịnh   | Thanh Chương | Toán              |
| 368 | Phạm Thị Thu Hoa        | THCS Tôn Quang Phiệt  | Thanh Chương | Toán              |
| 369 | Nguyễn Tiến Hợi         | THCS Thanh Lĩnh       | Thanh Chương | Toán              |
| 370 | Nguyễn Lê Hùng          | THCS Đại Đồng         | Thanh Chương | Toán              |
| 371 | Ngô Thị Loan            | THCS Thanh Ngọc       | Thanh Chương | Toán              |
| 372 | Hoàng Thị Tâm           | THCS Cát Văn          | Thanh Chương | Toán              |
| 373 | Lê Quang Trứ            | THCS Thanh Lương      | Thanh Chương | Toán              |
| 374 | Giản Thị Xuân           | THCS Cát Văn          | Thanh Chương | Toán              |
| 375 | Ngô Thị Hà              | THCS Thanh Thủy       | Thanh Chương | Khoa học tự nhiên |
| 376 | Nguyễn Sỹ Hào           | TH&THCS Xuân Tường    | Thanh Chương | Khoa học tự nhiên |
| 377 | Hồ Thị Ngọc Ánh         | THCS Trường Thi       | TP Vinh      | Nghệ thuật        |
| 378 | Lê Xuân Giang           | THCS Nghi Phú         | TP Vinh      | Công nghệ         |
| 379 | Trần Thị Hoài Bắc       | THCS Lê Lợi           | TP Vinh      | Lịch sử và Địa lí |
| 380 | Hồ Thị Hồng Hạnh        | THCS Quang Trung      | TP Vinh      | Lịch sử và Địa lí |
| 381 | Lê Thị Thanh Hoa        | THCS Nghi Đức         | TP Vinh      | Lịch sử và Địa lí |
| 382 | Nguyễn Thị Huyền        | THCS Trường Thi       | TP Vinh      | Lịch sử và Địa lí |
| 383 | Nguyễn Thái Quỳnh Trang | THCS Hưng Bình        | TP Vinh      | Lịch sử và Địa lí |
| 384 | Lê Thị Thu Hạnh         | THCS Nghi Phú         | TP Vinh      | Giáo dục công dân |
| 385 | Nguyễn Thị Thúy Hồng    | THCS Hưng Bình        | TP Vinh      | Giáo dục công dân |
| 386 | Trương Yến Linh         | THCS Cửa Nam          | TP Vinh      | Giáo dục công dân |
| 387 | Nguyễn Thị Ánh Ngọc     | THCS Lê Lợi           | TP Vinh      | Giáo dục công dân |
| 388 | Nguyễn Thị Quỳnh Trang  | THCS Nguyễn Trường Tộ | TP Vinh      | Giáo dục công dân |
| 389 | Hoàng Anh Chung         | THCS Hưng Lộc         | TP Vinh      | Giáo dục thể chất |
| 390 | Ngô Văn Đoàn            | THCS Hưng Chính       | TP Vinh      | Giáo dục thể chất |

| <b>TT</b> | <b>Họ và Tên</b>      | <b>Trường</b>           | <b>Phòng<br/>GD&amp;ĐT</b> | <b>Môn</b>        |
|-----------|-----------------------|-------------------------|----------------------------|-------------------|
| 391       | Nguyễn Đình Dũng      | THCS Nghi Phú           | TP Vinh                    | Giáo dục thể chất |
| 392       | Lê Trung Kiên         | THCS Quang Trung        | TP Vinh                    | Giáo dục thể chất |
| 393       | Trần Thu Hiền         | THCS Nghi Liên          | TP Vinh                    | Khoa học tự nhiên |
| 394       | Bùi Thị Hồng Nhung    | THCS Lê Mao             | TP Vinh                    | Khoa học tự nhiên |
| 395       | Phạm Thị Giang        | THCS Đặng Thai Mai      | TP Vinh                    | Lịch sử và Địa lí |
| 396       | Nguyễn Thị Hường      | THCS Đặng Thai Mai      | TP Vinh                    | Lịch sử và Địa lí |
| 397       | Nguyễn Thị Suong      | THCS Hưng Hoà           | TP Vinh                    | Lịch sử và Địa lí |
| 398       | Nguyễn Trí Hạnh       | PT Hermann Gmeiner Vinh | TP Vinh                    | Nghệ thuật        |
| 399       | Nguyễn Thị An         | THCS Hưng Bình          | TP Vinh                    | Ngữ văn           |
| 400       | Đậu Thị Quỳnh Anh     | THCS Đặng Thai Mai      | TP Vinh                    | Ngữ văn           |
| 401       | Thái Thị Hoàng Hà     | THCS Lê Lợi             | TP Vinh                    | Ngữ văn           |
| 402       | Nguyễn Thị Hải        | THCS Đặng Thai Mai      | TP Vinh                    | Ngữ văn           |
| 403       | Nguyễn Thị Hồng Lê    | THCS Đội Cung           | TP Vinh                    | Ngữ văn           |
| 404       | Lê Phương Thảo        | THCS Hồng Sơn           | TP Vinh                    | Ngữ văn           |
| 405       | Đinh Thị Vân Chung    | THCS Hưng Hoà           | TP Vinh                    | Khoa học tự nhiên |
| 406       | Đặng Minh Hằng        | THCS Trung Đô           | TP Vinh                    | Khoa học tự nhiên |
| 407       | Cao Thị Hường         | THCS Lê Lợi             | TP Vinh                    | Khoa học tự nhiên |
| 408       | Nguyễn Thị Nam        | THCS Vinh Tân           | TP Vinh                    | Khoa học tự nhiên |
| 409       | Hồ Thị Ngọc Diệp      | THCS Vinh Tân           | TP Vinh                    | Tiếng Anh         |
| 410       | Nguyễn Thị Vân        | THCS Hà Huy Tập         | TP Vinh                    | Tiếng Anh         |
| 411       | Hồ Thị Nga            | THCS Lê Mao             | TP Vinh                    | Tin học           |
| 412       | Phan Hồng Sơn         | THCS Hưng Bình          | TP Vinh                    | Tin học           |
| 413       | Nguyễn Thị Phương Anh | THCS Nghi Kim           | TP Vinh                    | Toán              |
| 414       | Nguyễn Thị Thùy Chi   | THCS Nguyễn Trường Tộ   | TP Vinh                    | Toán              |
| 415       | Đậu Thị Anh Đào       | THCS Hưng Bình          | TP Vinh                    | Toán              |
| 416       | Hoàng Việt Dũng       | THCS Đặng Thai Mai      | TP Vinh                    | Toán              |
| 417       | Nguyễn Thị Hồng Lê    | THCS Hà Huy Tập         | TP Vinh                    | Toán              |
| 418       | Hoàng Trần Khánh Linh | THCS Hưng Dũng          | TP Vinh                    | Toán              |
| 419       | Nguyễn Thị Thùy Linh  | THCS Cửa Nam            | TP Vinh                    | Toán              |
| 420       | Nguyễn Thị Hồng Nhung | THCS Hà Huy Tập         | TP Vinh                    | Toán              |
| 421       | Hoàng Anh Sơn         | THCS Quán Bàu           | TP Vinh                    | Toán              |
| 422       | Trần Thị Thanh Tâm    | THCS Nghi Phú           | TP Vinh                    | Toán              |
| 423       | Phan Thị Minh Thúy    | THCS Hà Huy Tập         | TP Vinh                    | Toán              |

| <b>TT</b> | <b>Họ và Tên</b>      | <b>Trường</b>            | <b>Phòng<br/>GD&amp;ĐT</b> | <b>Môn</b>        |
|-----------|-----------------------|--------------------------|----------------------------|-------------------|
| 424       | Phan Thanh Tùng       | THCS Lê Mao              | TP Vinh                    | Toán              |
| 425       | Võ Thị Hải Yến        | THCS Đặng Thai Mai       | TP Vinh                    | Toán              |
| 426       | Lê Phúc Ánh           | THCS Hà Huy Tập          | TP Vinh                    | Khoa học tự nhiên |
| 427       | Nguyễn Thị Hà         | THCS Trường Thi          | TP Vinh                    | Khoa học tự nhiên |
| 428       | Thái Khắc Hiếu        | THCS Đội Cung            | TP Vinh                    | Khoa học tự nhiên |
| 429       | Trịnh Thị Hồng        | THCS Quang Trung         | TP Vinh                    | Khoa học tự nhiên |
| 430       | Lương Thị Na          | THCS Hưng Dũng           | TP Vinh                    | Khoa học tự nhiên |
| 431       | Lê Thị Hoài Thương    | THCS Lê Mao              | TP Vinh                    | Khoa học tự nhiên |
| 432       | Nguyễn Hữu Văn        | PTDTBT THCS Yên Tĩnh     | Tương Dương                | Lịch sử và Địa lí |
| 433       | Vì Thị Hương          | PTDTNT THCS Tương Dương  | Tương Dương                | Giáo dục công dân |
| 434       | Pay Văn May           | PTDTBT THCS Yên Na       | Tương Dương                | Giáo dục thể chất |
| 435       | Vì Đình Tuấn          | THCS Tam Thái            | Tương Dương                | Giáo dục thể chất |
| 436       | Nguyễn Cường Vang     | PTDTBT THCS Yên Tĩnh     | Tương Dương                | Giáo dục thể chất |
| 437       | Lô Thị Thùy Dung      | THCS Tam Đình            | Tương Dương                | Khoa học tự nhiên |
| 438       | Nguyễn Cảnh Hằng Long | PTDTBT THCS Lượng Minh   | Tương Dương                | Nghệ thuật        |
| 439       | Nguyễn Thị Phương     | PTDTBT THCS Nga My       | Tương Dương                | Ngữ văn           |
| 440       | Nguyễn Thị Kiều       | THCS Yên Hòa             | Tương Dương                | Khoa học tự nhiên |
| 441       | Vì Thị Quỳnh Trang    | THCS Thị trấn Thạch Giám | Tương Dương                | Khoa học tự nhiên |
| 442       | Cao Thị Lành          | PTDTBT THCS Yên Na       | Tương Dương                | Tiếng Anh         |
| 443       | Nguyễn Thị Nguyệt     | THCS Tam Quang           | Tương Dương                | Tiếng Anh         |
| 444       | Đặng Thị Nhân         | PTDTBT THCS Lượng Minh   | Tương Dương                | Tin học           |
| 445       | Tào Thành Bình        | PTDTNT THCS Tương Dương  | Tương Dương                | Toán              |
| 446       | Nguyễn Thị Lê         | THCS Tam Quang           | Tương Dương                | Toán              |
| 447       | Nguyễn Sỹ Toàn        | PTDTBT THCS Yên Na       | Tương Dương                | Khoa học tự nhiên |
| 448       | Nguyễn Thị Thanh Minh | THCS Hoàng Tá Thôn       | Yên Thành                  | Nghệ thuật        |
| 449       | Nguyễn Thị Hoài       | THCS Hùng Thành          | Yên Thành                  | Công nghệ         |
| 450       | Đặng Thị Hoài         | THCS Hoàng Tá Thôn       | Yên Thành                  | Lịch sử và Địa lí |
| 451       | Dương Thị Thanh Nga   | THCS Liên - Lý           | Yên Thành                  | Lịch sử và Địa lí |
| 452       | Thái Hữu Quý          | THCS Hoàng Tá Thôn       | Yên Thành                  | Giáo dục thể chất |
| 453       | Trần Thị Vân          | TH&THCS Trung Thành      | Yên Thành                  | Khoa học tự nhiên |
| 454       | Phan Viết Hải         | THCS Liên - Lý           | Yên Thành                  | Lịch sử và Địa lí |
| 455       | Lê Văn Hân            | PTCS Khánh Thành         | Yên Thành                  | Nghệ thuật        |
| 456       | Trần Văn Minh         | THCS Đô Thành            | Yên Thành                  | Nghệ thuật        |

| TT  | Họ và Tên            | Trường              | Phòng GD&ĐT | Môn               |
|-----|----------------------|---------------------|-------------|-------------------|
| 457 | Thái Thị Hồng        | THCS Nam Thành      | Yên Thành   | Ngữ văn           |
| 458 | Phan Thị Hoàng Lam   | THCS Bạch Liêu      | Yên Thành   | Ngữ văn           |
| 459 | Nguyễn Thị Ngọc Loan | THCS Liên - Lý      | Yên Thành   | Ngữ văn           |
| 460 | Trần Thị Long        | THCS Phan Đăng Lưu  | Yên Thành   | Ngữ văn           |
| 461 | Nguyễn Thị Minh      | THCS Vĩnh Thành     | Yên Thành   | Ngữ văn           |
| 462 | Nguyễn Thị Hải Như   | THCS Tây Thành      | Yên Thành   | Ngữ văn           |
| 463 | Trần Thị Thu Hằng    | TH&THCS Trung Thành | Yên Thành   | Khoa học tự nhiên |
| 464 | Nguyễn Văn Hải       | THCS Tây Thành      | Yên Thành   | Tiếng Anh         |
| 465 | Phan Thị Đức Hạnh    | THCS Đồng Thành     | Yên Thành   | Tiếng Anh         |
| 466 | Thái Việt Hồng       | THCS Phan Đăng Lưu  | Yên Thành   | Tiếng Anh         |
| 467 | Nguyễn Thị Nghĩa     | THCS Nhân Thành     | Yên Thành   | Tiếng Anh         |
| 468 | Trần Thị Ngọc        | THCS Thịnh Thành    | Yên Thành   | Tiếng Anh         |
| 469 | Nguyễn Thị Trà       | THCS Văn Thành      | Yên Thành   | Tiếng Anh         |
| 470 | Trần Thị Yên         | THCS Quang Thành    | Yên Thành   | Tiếng Anh         |
| 471 | Trần Văn Hải         | THCS Lãng Thành     | Yên Thành   | Tin học           |
| 472 | Phan Chí Hiếu        | THCS Bạch Liêu      | Yên Thành   | Tin học           |
| 473 | Phạm Công Hồng       | THCS Mỹ Thành       | Yên Thành   | Tin học           |
| 474 | Lê Kim Dung          | THCS Liên - Lý      | Yên Thành   | Toán              |
| 475 | Nguyễn Thị Hương     | THCS Tây Thành      | Yên Thành   | Toán              |
| 476 | Nguyễn Bá Phúc       | THCS Mã Thành       | Yên Thành   | Toán              |
| 477 | Vũ Khắc Quang        | THCS Quang Thành    | Yên Thành   | Toán              |
| 478 | Lưu Văn Thắng        | THCS Đồng Thành     | Yên Thành   | Toán              |
| 479 | Dương Quốc Việt      | THCS Đại Minh       | Yên Thành   | Toán              |
| 480 | Nguyễn Thị Lan Hương | THCS Quang Thành    | Yên Thành   | Khoa học tự nhiên |
| 481 | Trịnh Thị Hương      | THCS Liên - Lý      | Yên Thành   | Khoa học tự nhiên |

*Danh sách gồm có 481 giáo viên./.*